

Số: /GPMT-UBND Sơn La, ngày tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2275/QĐ-UBND ngày 20/09/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Đầu tư xây dựng điểm du lịch Mộc Châu Island;

Xét Công văn số 26/CV-CTCP ngày 26/10/2025 của Công ty cổ phần du lịch 26 Mộc Châu về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở Điểm du lịch Mộc Châu Island; Công văn số 26/DLMC ngày 11/12/2025 của Công ty cổ phần du lịch 26 Mộc Châu về việc tiếp thu, giải trình các nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Điểm du lịch Mộc Châu Island và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1501/TTr-SNNMT ngày 23/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần du lịch 26 Mộc Châu (địa chỉ: số 144, đường Trường Chinh, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt

động bảo vệ môi trường của cơ sở Điểm du lịch Mộc Châu Island với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

- 1.1. Tên cơ sở: Điểm du lịch Mộc Châu Island.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500582387 đăng ký lần đầu ngày 19/04/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/10/2022.
- 1.4. Mã số thuế: 5500582387.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Du lịch nghỉ dưỡng kết hợp vui chơi giải trí, khám phá trải nghiệm.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.
 - Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.
 - Tổng diện tích đất của cơ sở: 378.250,6m².
 - Quy mô công suất hoạt động của cơ sở: Quy mô 700.000 lượt khách/năm với 320 phòng nghỉ lưu trú.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần du lịch 26 Mộc Châu

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty cổ phần du lịch 26 Mộc Châu có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các

công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Giấy phép này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2031 (*theo đề nghị của Chủ cơ sở*).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, VH&DL, KH&CN, TC;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND phường Mộc Châu;
- Trung tâm thông tin tỉnh (*để công bố*);
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Công ty cổ phần du lịch 26 Mộc Châu;
- Lưu: VT, KT - Hiệu 16 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục số 01**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà chờ ra cầu kính.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt khu nhà chờ vào cầu kính.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt khu nhà đón tiếp.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ khu vực hang động.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt khu villa 01 (khu nhà Lune).
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt khu villa 02 (nhà khối cầu Glamping).
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt khu vui chơi trong nhà.
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt nhà hàng.
- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt khu khách sạn đoàn tàu.
- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt khu khách sạn 10 tầng.
- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt khu nhà ở công nhân.
- Nguồn số 13: Nước thải sinh hoạt khu nhà đón tiếp lưu trú.
- Nguồn số 14: Nước thải sinh hoạt khu quảng trường.
- Nguồn số 15: Nước thải sinh hoạt khu nhà sàn thái.
- Nguồn số 16: Nước thải sinh hoạt khu hội nghị tiệc cưới.
- Nguồn số 17: Nước thải sinh hoạt khu nhà trung bày.
- Nguồn số 18: Nước thải sinh hoạt khu nhà vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe.
- Nguồn số 19: Nước thải sinh hoạt khu Villa 02 giai đoạn 2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Dòng nước thải**

- Dòng 01 (phát sinh từ nguồn số 01 đến nguồn số 16): lưu lượng 130 m³/ngày.đêm.
- Dòng 02 (phát sinh từ nguồn số 17 đến nguồn số 19): lưu lượng 24 m³/ngày.đêm.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Sập thuộc địa phận phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải dòng số 01: Tọa độ điểm xả thải $X = 2307392$; $Y = 558806$ (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 104^0 , múi chiếu 3^0).

- Vị trí xả thải dòng số 02: Tọa độ điểm xả thải $X = 2305995$; $Y = 559614$ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 104^0 , múi chiếu 3^0).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $154\text{m}^3/\text{ngày}$.

2.5. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Dòng số 01: Tự chảy qua đường ống HDPE D250 dài 25m sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận Suối Sập.

- Dòng số 02: Tự chảy qua đường ống HDPE D110 dài 45m sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận Suối Sập.

2.6. Chế độ xả nước thải: $24\text{h}/\text{ngày}$.

2.7. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

Dòng thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT - Cột B ($C_{\max}$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Nồng độ tối đa ($C_{\max}$) cho phép được tính theo công thức $C_{\max} = C \times K$, trong đó C là nồng độ của các thông số ô nhiễm được quy định trong Quy chuẩn này, $K = 1,0$. Không áp dụng công thức tính nồng độ tối đa cho phép trong nước thải cho thông số pH và tổng Coliforms.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01-16: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu: Nhà chờ ra cầu kính; nhà chờ vào cầu kính, nhà đón tiếp; khu vực hang động, nhà điều hành, khu villa 01 (*khu nhà Lune*), khu villa 02 (*nhà khối cầu Glamping*), khu vui chơi trong nhà, khu nhà hàng, khách sạn đoàn tàu, khách sạn 10 tầng, nhà ở công nhân, nhà đón tiếp lưu trú, khu quảng trường, khu nhà sàn thái, được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó được dẫn qua đường ống thu gom nước thải HDPE D110, D160, D200, D300, D400 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 130m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 17-19: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu: Nhà trưng bày, khu nhà vệ sinh công cộng bãi đỗ xe, khu Villa 02 giai đoạn 2 được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn qua đường ống thu gom nước thải HDPE D110, D160 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 24m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 130m³/ngày.đêm và công suất 24m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Quy trình xử lý của 02 hệ thống xử lý nước thải: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → suối Sập.

- Hóa chất sử dụng: NaOCl (rắn) hoặc các hoá chất tương đương, không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo quy định tại mục 2.7 phần A Phụ lục này.

- Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở phải có đồng hồ đo lưu lượng đầu ra theo quy định tại khoản 6 Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp bão lũ gây tràn, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu.

- Thường xuyên giám sát theo dõi hoạt động của các rãnh thoát nước để có biện pháp khắc phục kịp thời; định kỳ 01 lần/tháng tiến hành kiểm tra, nạo vét, khơi thông, hạn chế việc bùn đất, đá xâm nhập vào rãnh thoát nước, gây tắc nghẽn, ứ đọng nước trong khu vực.

- Bố trí 02 công trình ứng phó sự cố môi trường đối với 02 hệ thống xử lý nước thải với thể tích lần lượt là 170m^3 và 30m^3 để tiếp nhận và xoay vòng nước thải khi hệ thống xử lý nước thải gặp các sự cố. Các công trình ứng phó sự cố được lót bạt HDPE chống thấm.

- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại và bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung, chuyển giao đơn vị có đầy đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Định kỳ kiểm tra công trình thiết bị đường ống thu gom xử lý nước thải, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường để đảm bảo ứng phó kịp thời với các sự cố về môi trường.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cơ sở sẽ ngừng hoạt động xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Toàn bộ nước thải được lưu giữ tạm thời tại hệ thống thu gom, xử lý nước thải và hồ phòng ngừa ứng phó sự cố, cam kết không xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $130\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $24\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Tại bể thu gom và điểm xả thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $130\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Tại bể thu gom và điểm xả thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $24\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.7 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (*01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra*). Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải

thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.7 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom nước thải và các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi thoát nước ra môi trường; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của cơ sở. Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Khuyến khích việc vận hành hệ thống xử lý nước thải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (*đầu vào, đầu ra*), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (*nếu có*); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Vận hành ổn định, đúng công suất của 02 trạm xử lý nước thải đảm bảo công suất xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở. Trường hợp có sự thay đổi về phương án thu gom, xử lý nước thải so với Giấy phép này, chủ cơ sở phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết.

3.6. Công ty cổ phần du lịch 26 Mộc Châu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.7 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 02**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /12/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt TBA 1: 35/0,4kV công suất 320 kVA.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt TBA 2: 35/0,4kV công suất 320 kVA.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt TBA 3: 35/0,4kV công suất 560 kVA.
- Nguồn số 04: Khu vực đặt TBA 4: 35/0,4kV công suất 560 kVA.
- Nguồn số 05: Khu vực đặt TBA 5: 35/0,4kV công suất 560 kVA.
- Nguồn số 06: Khu vực đặt TBA 6: 35/0,4kV công suất 750 kVA.
- Nguồn số 07: Khu vực đặt TBA 7: 35/0,4kV công suất 560 kVA.
- Nguồn số 08: Khu vực đặt TBA 8: 35/0,4kV công suất 560 kVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 2306516; Y= 559153.
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X = 2306524; Y= 559147.
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện: X = 2306940; Y= 559081.
- Nguồn số 04: Tọa độ đại diện: X = 2307111; Y= 558950.
- Nguồn số 05: Tọa độ đại diện: X = 2307238; Y= 558946.
- Nguồn số 06: Tọa độ đại diện: X = 2307256; Y= 558863.
- Nguồn số 07: Tọa độ đại diện: X = 2307424; Y= 558637.
- Nguồn số 08: Tọa độ đại diện: X = 2307743; Y= 558505.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

- Theo QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Nguồn phát sinh	Khoảng thời gian			Tần suất quan trắc định kỳ	Đơn vị	Ghi chú
		Ngày (06 ^h 00 đến trước 18 ^h 00)	Tối (18 ^h 00 đến trước 22 ^h 00)	Đêm (22 ^h 00 đến trước 06 ^h 00)			
1	Nguồn 01 - 08	50	45	40	-	dBA	Khu vực A

Ghi chú: Khu vực A, B, C, D, E: là các khu vực bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn. Quy định chi tiết tại mục 2.1 của QCVN 26:2025/BTNMT.

3.2. Độ rung

- Theo QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Nguồn phát sinh	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Đơn vị	Ghi chú
		Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)			
1	Nguồn 01 - 08	60	55	-	dB	Khu vực A

Ghi chú: Khu vực A, B, C, D: là các khu vực bị ảnh hưởng bởi độ rung. Quy định chi tiết tại mục 2.1 của QCVN 27:2025/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị hoạt động tại cơ sở đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung; định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

- Yêu cầu công nhân vận hành máy móc theo đúng quy trình kỹ thuật và không hoạt động quá tải; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Tăng cường trồng cây xanh trong và xung quanh cơ sở để ngăn cản và giảm tiếng ồn, rung động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục số 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /12/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Lượng CTNH (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số	17 03 03	25
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm TPNH	18 02 01	10
3	Thùng chứa dầu nhớt thải	18 01 03	4
4	Hộp mực in thải	08 02 04	2
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2
6	Pin, ắc quy chì	19 06 01	12
	Tổng		55

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã	Khối lượng (kg/ngày)
1	Bùn thải từ bể tự hoại, trạm xử lý nước thải	12 06 10	604

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 2.329 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Thực hiện thu gom lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại Nhà máy thủy điện Mường Sang 3 với diện tích khoảng 9,9m² theo phương án thỏa thuận với Công ty cổ phần Trường Phúc Lộc Tây Bắc (chủ đầu tư Nhà máy thủy điện Mường Sang 3). Khu vực lưu giữ đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Số lượng: Bố trí 02 bể chứa bùn có kết cấu bê tông chống thấm tương ứng với 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung $130\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ và $24\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, cụ thể: bể $22,5\text{m}^3$ có kích thước (dài x rộng x cao) là $2,5\text{m} \times 3\text{m} \times 3\text{m}$ và bể $2,1\text{m}^3$ có kích thước (dài x rộng x cao) là $0,84\text{m} \times 1,4\text{m} \times 1,8\text{m}$.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (*bùn thải từ bể phốt và hệ thống xử lý nước thải*): Định kỳ hàng năm (tùy thuộc mức độ sử dụng) thuê đơn vị có chức năng hút bùn xử lý theo quy định.

Bùn thải → bể chứa bùn → chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với bùn nạo vét từ hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa: Định kỳ hàng năm tiến hành nạo vét, sử dụng trồng cây trong khuôn viên dự án.

- Dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ: Trang bị 01 thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy để lưu chứa dầu, mỡ thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí xây dựng khu tập kết rác thải tạm thời có diện tích 45m^2 có mái che bằng tôn.

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn phân biệt các loại chất thải để thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn. Trong đó, chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu giữ để tái sử dụng hoặc bán phế liệu; chất thải thực phẩm được tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc phân bón cho cây trồng trong khuôn viên cơ sở. Đối với chất thải rắn sinh hoạt còn lại được hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu Công ty cổ phần du lịch 26 Mộc Châu thực hiện đầy đủ việc đóng phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Xây dựng quy định quản lý tại khu du lịch, hướng dẫn nhân viên, du khách thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải khác, chất thải nguy hại*), trang bị các bao bì,

thùng chứa (*dán nhãn theo từng loại rác thải*) phù hợp để lưu trữ các loại chất thải; vận chuyển đến kho và khu vực lưu chứa chung.

2.5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường và Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố, đặc biệt các sự cố liên quan đến sự cố đối với các trò chơi mạo hiểm.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /12/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, xây dựng, khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường. Chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu của nước thải đến môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải*) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

7. Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, sụt lún, an toàn lao động trong quá trình hoạt động của cơ sở nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị và các hoạt động có rủi ro cao khác.

8. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.